

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST

Ngày: 24/12/2019.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hật - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Trụ sở: Số 109 T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B chi nhánh Hậu Giang.

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thành Tr – sinh năm 1993, có mặt.

Chức vụ: Chuyên viên khách hàng - Ngân hàng TMCP B chi nhánh Hậu Giang.

Địa chỉ: Số 32 N, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Trương Minh D – sinh năm 1991, vắng mặt.

Bà Thị Mai Ch – sinh năm 1993, vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý, nguyên đơn Ngân hàng TMCP B trình bày nội dung khởi kiện với các yêu cầu như sau:

- Ngân hàng TMCP B chi nhánh Hậu Giang – Phòng giao dịch Vị Thanh có cho vợ chồng ông Trương Minh D và bà Thị Mai Ch vay số tiền 79.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 0039089CV008L2, ngày 04/7/2016, mục đích vay tiêu dùng và phục vụ phát triển kinh tế gia đình. Thời hạn vay là 60 tháng, hình thức trả nợ là trả lãi và gốc hàng tháng (trả dần), lãi suất thỏa thuận: Lãi trong hạn là 10,6%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi được điều chỉnh 03 tháng 01 lần. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng, ông Trương Minh D và bà Thị Mai Ch không trả nợ đúng kỳ hạn và tự ý rời khỏi địa phương, Ngân hàng không liên lạc được, Ngân hàng có làm việc với đơn vị nơi bà Ch làm việc nhưng đến nay bà Ch và ông D vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Đến ngày 16/7/2018 thì ông D và bà Ch ngưng trả cho Ngân hàng đến ngày 16/11/2019 thì ông bà có trả cho Ngân hàng 2.000.000 đồng, hiện tại dư nợ gốc là 34.173.000 đồng và lãi suất trong hạn 4.154.830 đồng và lãi quá hạn là 1.334.749 đồng tính đến ngày 24/12/2019. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Minh D và bà Thị Mai Ch phải trả hết số tiền nợ gốc là 34.173.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử theo hợp đồng thỏa thuận là 5.489.579 đồng, tổng cộng bằng 39.662.578 đồng. Đồng thời Ngân hàng yêu cầu ông Trương Minh D và bà Thị Mai Ch phải chịu lãi suất theo quy định của hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi tất toán khoản vay.

Bị đơn ông Trương Minh D và bà Thị Mai Ch không có mặt tại phiên tòa. Trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ kiện, kể từ khi thụ lý cho đến nay ông D và bà Ch không có mặt ở địa phương được chính quyền địa phương xác nhận ông D và bà Ch bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông bà vẫn không có mặt nên Tòa án tuy nhiên ông D và bà Ch có văn bản yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện cho ông bà trả nợ và ông bà cam kết trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi hết nợ.

- Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP B có ý kiến xin giữ nguyên yêu cầu.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, vụ kiện được giải quyết đúng thời hạn quy định. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ pháp luật nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ kiện vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Trương Minh D và bà Thị Mai Ch phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền hiện còn nợ và lãi phát sinh cho đến khi trả hết khoản nợ vay cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP B với ông Trương Minh D và bà Thị Mai Ch là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Ông Trương Minh D và bà Thị Mai Ch là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ kiện, tuy nhiên khi ông D và bà Ch thực hiện giao dịch với ngân hàng ông bà có địa chỉ rõ ràng, dù ông bà có thay đổi nơi cư trú là do thay đổi địa giới hành chính của xã Định An, hiện nay bà Ch vẫn còn hộ khẩu ở ấp An Minh, xã Định An, huyện Gò Quao nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D và bà Ch theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] **Về nội dung:** Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với mục đích vay tài sản được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp pháp luật.

[4] Tại thời điểm vay nợ Ngân hàng ông Trương Minh D và bà Thị Mai Ch là vợ chồng, tuy đây là hợp đồng vay tín chấp nhưng ông D và bà Ch cùng đứng tên vay và cùng ký nhận nợ, mục đích vay tiêu dùng và phục vụ phát triển kinh tế gia đình nên khi Ngân hàng khởi kiện ông bà căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông D và bà Ch cùng phải có nghĩa vụ trả nợ chung.

[5] Tại hợp đồng tín dụng số 0039089CV008L2 được ký kết ngày 04/7/2016 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên trong thời gian thực hiện hợp đồng ông D và bà Ch không thực hiện đúng cam kết, từ ngày 16/7/2018 phía ông D và bà Ch đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự buộc ông D và bà Ch phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho ngân hàng là phù hợp. Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông D và bà Ch phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi tất toán khoản vay là phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

[6] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần B và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trương Minh D và bà Thị Mai Ch phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết khoản nợ vay, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Trương Minh D và bà Thị Mai Ch phải nộp 1.983.000 đồng (39.662.578 đồng x 5%).

[8] Ngân hàng không phải chịu án phí vì yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận. Ngân hàng được nhận lại 1.043.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005736 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, 35, 48, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 463, 466, 468 và 688 Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.
- Áp dụng Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 BLTTDS;
- Áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử: Buộc ông Trương Minh D và bà Thị Mai Ch phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B 39.662.578 (ba mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi tám) đồng, gồm có số tiền nợ gốc là 34.173.000 (ba mươi bốn triệu một trăm bảy mươi ba nghìn) đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử theo thỏa thuận trong hợp đồng là 5.489.579 (năm triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi chín) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Trương Minh D và bà Thị Mai Ch còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông D và bà Ch phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Ông Trương Minh D và bà Thị Mai Ch phải nộp 1.983.000 đồng.

Ngân hàng được nhận lại 1.043.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005736 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thị Thùy Trang